TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 90/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tâm

Bà Trần Thị Nga

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Trung Thai - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 324/2020/TLST–HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 17/6/2020.

Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân thị trấn B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/4/2015. Trong thời gian chung sống anh và chị L phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã ly thân từ tháng 10 năm 2019. Do hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu ly hôn với chị L.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định trong thời gian chung sống anh và chị L không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Lê Thị L: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cũng như triệu tập chị L tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng chị L vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, còn bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Huỳnh Thanh T đối với chị Lê Thị L. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Huỳnh Thanh T yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị L, chị L cư trú tại ấp A, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị L.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh T yêu cầu ly hôn với chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T và chị L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng trong thời gian chung sống anh T và chị L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2019. Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa anh T và chị L đã lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị L.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định anh và chị L không có con chung, không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Huỳnh Thanh T đối với chị Lê Thị L.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng anh Huỳnh Thanh T phải chịu. Anh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007665 ngày 01/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm công khai, anh Huỳnh Thanh T và chị Lê Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND thị trấn B;
- Lưu hồ sơ;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ni